TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-10-2022
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Di

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà Trần Thị K, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

2. ***Bị đơn:*** Ông Lê Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cả 2 đương sự đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2022 và quá trình tố tụng tại tòa bà Trần Thị K *trình bày:* Bà Trần Thị K với ông Lê Minh T tự nguyện sống chung từ năm 2002, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên khoảng từ năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống cùng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn: liên quan đến tình cảm, kinh tế, tài chính lo cho cuộc sống gia đình, không có sự

chia sẻ đồng cảm với nhau, ảnh hưởng đến cuộc sống 2 bên. Đã nhiều lần nhờ đến gia đình 2 bên hàn gắn nhưng đều không giải quyết được. Nay bà K nhận thấy tình cảm đối với ông T không còn nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: có 02 con Lê Thị Thảo T1, sinh ngày 17-6-2003 và Lê Minh N, sinh ngày 15-02-2009. Khi ly hôn con (T1) đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà K không yêu cầu Tòa giải quyết. Con (N) bà K giao cho ông T nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn-ông Lê Minh T *xác nhận*: Về điều kiện tiến tới hôn nhân của vợ chồng theo trình bày của bà K là đúng. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi cưới hạnh phúc, khoảng từ năm 2018 thì bà K bỏ đi và chung sống với người khác. Nay ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông T đồng ý ly hôn.

Về con chung: theo bà K trình bày ông T xác nhận đúng. Từ sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay ông T là người nuôi cả 02 con, nay ông đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật, nguyên - bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị K yêu cầu ly hôn ông Lê Minh T, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Long Điền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà K và ông T đều có đơn yêu cầu vắng mặt, theo đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị K và ông Lê Minh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2002, đến năm 2007 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp. Theo bản tự khai của cả 02 bên đương sự, xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và tự sống ly thân từ khoảng năm 2018 đến nay. Bà K yêu cầu ly hôn ông T đồng ý. Xét yêu cầu ly hôn của bà K có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: 02 con Lê Thị Thảo T1, sinh ngày 17-6-2003 và Lê Minh N, sinh ngày 15-02-2009. Con (T1) đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không giao quyền nuôi dưỡng.

Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung (N); xét từ sau khi sống ly thân ông T là người trực tiếp nuôi con, nguyện vọng con chung sống với cha và tránh làm xáo trộn của sống của trẻ thơ. Giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Sau này đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị K đối với ông Lê Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị K được ly hôn ông Lê Minh T.

- Về con chung: Giao con chung Lê Minh N, sinh ngày 15-02-2009 cho ông T nuôi dưỡng, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con. Bà K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông T không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị K nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009101 ngày 11-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà K đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền,
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc